

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2020.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm;
2. Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 781/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Minh P, sinh năm 1982;

Địa chỉ cư trú: Ấp BB, xã HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh – (có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1982;

Địa chỉ cư trú: Ấp BB, xã HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh – (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2019 của nguyên đơn – anh Đỗ Minh P và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh P trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chung sống với nhau vào ngày 25-4-2007, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 44/2007 ngày 08-5-2007 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh).

Anh và chị T chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng tư tưởng trong sinh hoạt kinh tế gia đình, cha mẹ anh có cho anh một phần đất, anh thế chấp Ngân hàng để làm vốn kinh doanh bất động sản nhưng chị T không đồng ý nên vợ chồng thường gây gổ nhau. Ngày 03-10-2019, anh bỏ đi thuê nhà trọ sống riêng và vợ chồng ly thân từ đó đến nay nhưng anh vẫn còn quan tâm lo lắng cho vợ con.

Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Đỗ Thị Mỹ Trang, sinh ngày 04-5-2008 và Đỗ Ngọc Tường Vy, sinh ngày 04-3-2013 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng từ ngày 03-10-2019 cho đến nay. Anh yêu cầu chị T giao anh nuôi dưỡng cháu Trang và cháu Vy, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh P về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do anh P kêu chị đi hợp tác lao động tại nước Nhật Bản nên ngày 14-6-2018, chị xuất cảnh đi hợp tác lao động tại nước Nhật Bản đến ngày 12-6-2019 chị trở về Việt Nam. Chị biết anh P không chung thủy với chị, anh P có tình cảm với người phụ nữ khác. Ngày 03-10-2019, anh P kêu chị ký tên cho anh P thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha mẹ anh P cho anh P đứng tên để vay tiền Ngân hàng, chị không đồng ý ký tên để anh P vay tiền nên vợ chồng gây gổ nhau.

Chị không đồng ý ly hôn vì chị còn thương chồng, thương con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Mỹ Trang, sinh ngày 04-5-2008 và cháu Đỗ Ngọc Tường Vy, sinh ngày 04-3-2013, anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu số tiền 2.500.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa tố tụng đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Minh P đối với chị Nguyễn Thị Kim T.

Về án phí: Buộc anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Anh P và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào ngày 25-4-2007, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 44/2007 ngày 08-5-2007 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P không vay vốn Ngân hàng được nên tự bỏ nhà đi thuê nhà trọ sống riêng nhưng anh P trình bày vẫn còn quan tâm lo lắng cho vợ con. Chị T vẫn tha thiết yêu cầu đoàn tụ vì thương chồng và thương con.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh P và chị T chưa lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung có thể kéo dài, mục đích của hôn nhân còn đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P.

[2] Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P nên về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Minh P đối với chị Nguyễn Thị Kim T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Anh Đỗ Minh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017804 ngày 24-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; anh Đỗ Minh P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX Trảng Bàng;
- UBND xã HT;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Ngện